

# QUẢN LÝ SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ RAU AN TOÀN TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN GIA LÂM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nguyễn Thị Dương Nga\*

Ngày nhận: 18/9/2015

Ngày nhận bản sửa: 20/11/2015

Ngày duyệt đăng: 25/12/2015

## Tóm tắt:

*An toàn thực phẩm trong tiêu dùng nói chung và rau nói riêng là vấn đề được cả xã hội quan tâm và phụ thuộc vào công tác quản lý từ sản xuất tới tiêu thụ. Nghiên cứu được thực hiện với số liệu điều tra 124 mẫu gồm hộ sản xuất rau an toàn, người tiêu dùng, hộ kinh doanh và sơ chế tại huyện Gia Lâm. Công tác quản lý sản xuất rau an toàn trên địa bàn đã được thực hiện khá tốt song vẫn còn hiện tượng rau an toàn không đảm bảo chất lượng, công tác thanh kiểm tra chất lượng rau và các cơ sở chế biến, kinh doanh rau còn chưa chặt chẽ. Niềm tin của người tiêu dùng vào chất lượng rau an toàn còn thấp. Một số giải pháp được đề ra để nâng cao hiệu quả công tác quản lý sản xuất và tiêu thụ rau an toàn như giải pháp về chính sách, công tác tổ chức, nâng cao trình độ cũng như nhận thức của cán bộ quản lý, hộ nông dân và người tiêu dùng, kết hợp biện pháp tăng cường giám sát cộng đồng.*

Từ khóa: Quản lý, rau an toàn, Gia Lâm

## Management of safe vegetable production and marketing in Gia Lam district, Hanoi

### Abstract

*Food safety is an increasing concern to society, which critically depends on management of food production and marketing. The study is conducted in Gia Lam with primary data collected from 124 safe vegetable producers, consumers, processors and traders in three communes. The results show that the management of safe vegetable production and marketing is relatively good, but there are still some main issues regarding vegetable quality and monitoring of the producers and retailers. The consumer's trust is low. This paper provides some recommendations for the improvement of management of safe vegetable production and marketing including policy implications, enhancing capacity of government staff and farmers, enhancing consumers trust and encouraging community to participate in monitoring safe vegetable production.*

*Key words: Management, safe vegetable, Gia Lam*

## 1. Đặt vấn đề

Huyện Gia Lâm là địa bàn sản xuất và cung cấp rau cho thành phố Hà Nội và các vùng lân cận. Cho tới năm 2014, tổng diện tích rau an toàn của cả huyện đạt trên 450 ha, cung cấp ra thị trường trên 85 nghìn tấn rau an toàn (Phòng Kinh tế huyện Gia Lâm, 2014). Trong khi nhu cầu người tiêu dùng với

rau an toàn gia tăng và họ sẵn lòng chi trả với mức giá cao hơn (Đỗ Thị Mỹ Hạnh & cộng sự, 2015), trên thực tế nhiều hộ trồng rau an toàn vẫn phải bán đa phần sản phẩm của họ ra ngoài thị trường với mức giá thông thường (Đặng Thu Thảo, 2014).

Theo Xuân Lộc (2015), trong 6 tháng đầu năm 2015, thành phố Hà Nội đã kiểm tra các cơ sở sản

**Bảng 1: Diện tích, năng suất và sản lượng rau an toàn tại huyện Gia Lâm**

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	So sánh 2013/2012 (%)	So sánh 2014/2013 (%)
Diện tích	Ha	392,0	420,3	450,3	107,2	107,1
Năng suất	Tấn/ha	17,0	18,4	19,0	108,2	103,3
Sản lượng	Tấn	66.631	77.125	85.647	115,7	111,0

Nguồn: Phòng Kinh tế huyện Gia Lâm, 2014

**Bảng 2: Một số thông tin cơ bản của các hộ sản xuất được điều tra**

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số lượng
1. Tuổi người điều tra	Năm	51,0
2. Người điều tra là nữ	%	62,7
3. Số năm đi học	Năm	8,8
4. Lao động tham gia sản xuất rau	Người	1,8
5. Diện tích sản xuất rau bình quân/hộ	Sào	4,3
6. Đóng góp thu nhập từ rau trong thu nhập hộ	%	50,1

Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra hộ nông dân, 2015

xuất và kinh doanh rau, thực phẩm và kết quả cho thấy ngay cả các cơ sở sản xuất rau an toàn cũng cho ra sản phẩm không an toàn, điều này cũng là nguyên nhân gây ra sự mất niềm tin của người tiêu dùng. Như thế, quản lý sản xuất và tiêu thụ rau an toàn sao cho người tiêu dùng có thể tiếp cận, mua được rau với chất lượng đảm bảo là điều quan trọng.

Nghiên cứu này nhằm đánh giá thực trạng quản lý sản xuất và tiêu thụ rau an toàn, từ đó đề xuất giải pháp nhằm tăng cường quản lý sản xuất và tiêu thụ rau an toàn đảm bảo chất lượng rau tới người tiêu dùng tại địa bàn huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội.

## 2. Phương pháp nghiên cứu

### 2.1. Chọn điểm nghiên cứu

Xã Đặng Xá, xã Văn Đức và xã Yên Viên là 3 vùng rau an toàn tập trung, trọng điểm của huyện Gia Lâm đã có thương hiệu mã số, mã vạch. Đây cũng là 3 xã có mô hình sản xuất rau an toàn được chứng nhận đạt tiêu chuẩn và gắn tem theo quy trình VietGAP.

### 2.2. Phương pháp thu thập thông tin

Thông tin thứ cấp được thu thập chủ yếu từ các báo cáo kinh tế xã hội của huyện Gia Lâm. Các văn bản chính sách, các báo cáo liên quan tới sản xuất, tiêu thụ, quản lý an toàn thực phẩm theo chuỗi rau an toàn của Thành phố Hà Nội và huyện Gia Lâm. Thông tin sơ cấp được thu thập vào tháng 7/2015 thông qua điều tra phỏng vấn bằng bảng hỏi 75 hộ sản xuất rau an toàn, 40 người tiêu dùng, 5 cửa hàng

kinh doanh rau an toàn và 4 cơ sở sơ chế rau an toàn.

### 2.3. Phương pháp tổng hợp và phân tích số liệu

Bao gồm thống kê mô tả và thống kê so sánh các số bình quân.

## 3. Kết quả và thảo luận

### 3.1. Thực trạng sản xuất và tiêu thụ rau an toàn trên địa bàn huyện Gia Lâm

#### 3.1.1. Thông tin chung về sản xuất và tiêu thụ rau an toàn của huyện Gia Lâm

Diện tích trồng rau an toàn của huyện Gia Lâm tăng nhẹ qua các năm và đạt khoảng 450 ha vào năm 2014 (Bảng 1), chiếm khoảng 39% tổng diện tích rau của toàn huyện, tập trung tại các xã như Văn Đức, Đặng Xá, và Yên Viên. Các loại rau an toàn chủ yếu như rau bắp cải, súp lơ, su hào, rau cải, cà chua, cải củ. Năng suất rau bình quân đạt khoảng 19 tấn/ha (Bảng 1).

#### 3.1.2. Thông tin chung của các hộ điều tra

Khoảng 2/3 số người được phỏng vấn là nữ và là lao động chính trong sản xuất rau, có tuổi bình quân khá cao là 51 tuổi (Bảng 2). Trong mỗi hộ có gần 2 lao động tham gia sản xuất rau, đây là hoạt động sản xuất quan trọng, đóng góp khoảng một nửa tổng thu nhập của hộ (Bảng 2).

#### 3.1.3. Kết quả và hiệu quả kinh tế trong sản xuất rau an toàn của các hộ

Bắp cải là loại rau cho năng suất cao nhất với năng suất bình quân đạt khoảng 1,8 tấn/sào năm

**Bảng 3: Kết quả và hiệu quả kinh tế sản xuất rau an toàn của các hộ**

Rau các loại	Năng suất (tạ/sào)	Sản lượng (tạ/hộ)	Tổng giá trị sản xuất (tr.đ)	Tổng chi phí (tr.đ/sào)	Thu nhập (tr.đ/sào)
1. Bắp cải	18,0	33,10	8,85	1,84	7,00
2. Rau cải	4,17	2,43	3,72	0,76	2,95
3. Cà chua	12,96	3,34	13,10	1,98	11,12
4. Đậu đỗ	7,90	1,15	7,09	1,53	5,57
5. Rau muống	7,84	1,89	3,83	0,91	2,92
6. Cải củ	10,65	2,47	4,32	1,47	2,84

Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra hộ nông dân, 2015

2014 (Bảng 3), vụ cà chua năm 2014 khá thuận lợi, sương muối ít đồng thời do các hộ tiến hành đầu tư vòm che nên năng suất đạt xấp xỉ 1,4 tấn/sào. Bình quân mỗi hộ trồng rau bắp cải cung cấp khoảng 3,3 tấn cải bắp/vụ, chiếm khoảng 3/4 tổng lượng rau sản xuất, và các hộ trồng cà chua cung cấp khoảng 0,33 tấn/vụ. Đậu đỗ và rau muống là các loại có khối lượng thấp nhất (Bảng 3). Cà chua là cây trồng mang lại thu nhập lớn nhất (11 triệu VND/sào). Tuy nhiên, đây loại rau yêu cầu cao về kỹ thuật và công chăm sóc và gặp nhiều rủi ro trong sản xuất, sau đó là bắp cải và đậu đỗ (Bảng 3).

#### 3.1.4. Tiêu thụ rau an toàn của huyện Gia Lâm.

Tính đến tháng 8/2014 toàn huyện Gia Lâm có 4 cơ sở sơ chế, chế biến và tiêu thụ rau an toàn đó là Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp Đặng Xá và Văn Đức. Rau an toàn của nông dân được bán qua người thu gom, các chủ buôn địa phương tới các chợ, qua Hợp tác xã tới cửa hàng rau an toàn và sàn bán buôn, trong đó rau qua kênh Hợp tác xã chịu sự quản lý chất lượng theo các tiêu chí an toàn. Theo số liệu điều tra, chỉ có 2,4 % sản lượng rau bán qua Hợp tác xã, 65% bán cho người thu gom và 32,1% bán cho người tiêu dùng. Như vậy hầu như toàn bộ số lượng rau an toàn bán này không có kiểm soát chất lượng an toàn, và dễ dàng bị coi như rau thông thường.

### 3.2. Thực trạng công tác quản lý sản xuất và tiêu thụ rau an toàn trên địa bàn huyện Gia Lâm

#### 3.2.1. Quản lý nhà nước của các cơ quan chức năng đối với sản xuất và tiêu thụ rau an toàn

Hệ thống quản lý bên ngoài là các tổ chức kiểm tra, giám sát và cấp chứng nhận rau, quả an toàn theo VietGAP được Nhà nước Trung ương (Bộ Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn) hoặc địa

phương (Tỉnh, Thành phố) chỉ định (FAVRI & FAO, 2011). Theo Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội (2009), có ba đơn vị cấp huyện chủ yếu tham gia tổ chức, quản lý sản xuất và kinh doanh rau an toàn tại huyện bao gồm:

i) Phòng Kinh tế huyện tham mưu trong công tác quản lý nhà nước và định hướng quy hoạch các vùng rau tập trung;

(ii) Trạm Bảo vệ thực vật huyện tham gia tập huấn chuyên giao và giám sát việc thực hiện quy trình kỹ thuật sản xuất rau an toàn, tổ chức thanh tra kiểm tra, hướng dẫn các điểm kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật kinh doanh các mặt hàng đúng quy định, chỉ đạo gắn tem mác rau an toàn;

iii) Trạm Khuyến nông, Hội Nông dân huyện tổ chức tuyên truyền, chuyển giao kỹ thuật sản xuất rau an toàn tới người nông dân. Đối với công tác tổ chức, quản lý và chỉ đạo sản xuất các cơ sở được đảm nhận bởi Ủy ban nhân dân các xã thông qua hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp.

Trong công tác quản lý hoạt động sản xuất rau an toàn, các đơn vị trên tại huyện Gia Lâm đã tổ chức được 56 lớp học về tập huấn sản xuất rau an toàn, phòng trừ dịch hại tổng hợp và vệ sinh an toàn thực phẩm với gần 1700 lượt nông dân tham dự trong ba năm 2012-2014 (Phòng Kinh tế huyện Gia Lâm, 2014).

Mặc dù vậy, không phải tất cả các hộ đều tham gia tập huấn, với gần 15% số hộ được điều tra chưa được tham gia các lớp tập huấn lớp phòng trừ dịch hại tổng hợp - yêu cầu bắt buộc của người sản xuất rau an toàn, còn trên 50% số hộ chưa được tiếp cận với quy trình sản xuất rau VietGAP. Hàng năm, chi cục Bảo vệ thực vật Hà Nội đã hỗ trợ phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và một số dụng cụ khác trong

**Bảng 4: Tình hình kiểm tra giám sát của các cơ quan nhà nước trên ruộng rau an toàn của các hộ nông dân**

*DVT: % số hộ trả lời*

Chỉ tiêu	Số lượng (n=75)
1. Người giám sát các hộ sản xuất là	
- Cán bộ khuyến nông	41,3
- Cán bộ bảo vệ thực vật	90,7
- Khác	4,0
2. Người tới kiểm tra ruộng rau của các hộ là	
- Cán bộ bảo vệ thực vật	40,0
- Cán bộ huyện	94,7
- Khác	12,0
3. Hoạt động kiểm tra các đầu vào sản xuất rau của các hộ	
- Lấy mẫu nước kiểm tra	38,7
- Lấy mẫu đất để kiểm tra	49,3

*Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra hộ nông dân, 2015*

sản xuất rau an toàn như các thùng thu gom bao bì thuốc bảo vệ thực vật.

Trong năm 2013, Chi cục đã hỗ trợ 80 thùng chứa vỏ bao bì thuốc bảo vệ thực vật ở xã Lê Chi và Yên Thường, gần 28 tấn phân hữu cơ, 7536 gói và 150 chai thuốc bảo vệ thực vật cho xã Yên Viên. Chi cục cũng đã hỗ trợ tời rơi về rau an toàn 16800 tời/30 cây rau, 1000 tời rơi giới thiệu về rau an toàn, chế phẩm EM, nilong đen, cọc để ủ tàn dư cây trồng (Trạm Bảo vệ thực vật huyện Gia Lâm, 2014). Theo số liệu điều tra, đa phần các hộ nông dân nhận được hỗ trợ và hài lòng với các hỗ trợ này.

Về công tác thanh kiểm tra, giám sát các hộ sản xuất, các cửa hàng thuốc bảo vệ thực vật, phân bón trên địa bàn: vẫn còn tồn tại các cửa hàng kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật chưa có giấy phép kinh doanh, có 7/54 cửa hàng kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật quá hạn sử dụng (Trạm Bảo vệ thực vật huyện Gia Lâm, 2014), và chịu mức xử phạt chỉ chưa đến 2 triệu đồng/cửa hàng là khá thấp theo phỏng vấn cán bộ trạm bảo vệ thực vật huyện. Việc giám sát sản xuất rau an toàn tại hộ chủ yếu là cán bộ bảo vệ thực vật (Bảng 4), việc kiểm tra sản xuất chủ yếu dừng lại ở mức độ ít khi hoặc thỉnh thoảng, dao động từ 3-5 lần/vụ sản xuất. Trong 10 tháng đầu năm 2014, cán bộ Trạm Bảo vệ thực vật phối hợp với trạm khuyến nông, phòng kinh tế huyện Gia Lâm và Ủy ban nhân dân xã đã lập được 19 biên bản vi phạm qui trình sản xuất rau an toàn của các hộ (Trạm Bảo vệ thực vật huyện Gia Lâm, 2014).

Về công tác kiểm tra mẫu đất, nước, rau: công tác

phân tích, kiểm tra các đầu vào trong sản xuất còn nhiều bất cập với số hộ được các cán bộ định kỳ lấy mẫu đất và mẫu nước để phân tích, kiểm tra thực hiện chưa đầy 50% số hộ (Bảng 4).

Trong năm 2014, Chi cục Bảo vệ thực vật thành phố Hà Nội đã tiến hành 5 lần điều tra với tổng số 49 mẫu rau để đi phân tích dư lượng thuốc bảo vệ thực vật và nitorat. Kết quả điều tra cho thấy cơ bản các mẫu rau an toàn đã đạt yêu cầu đề ra song còn 7 mẫu rau ở các xã còn vi phạm quy định chất lượng, và phát hiện 2 loại thuốc bảo vệ thực vật ngoài danh mục cho phép (Trạm Bảo vệ thực vật huyện Gia Lâm, 2014).

Trong công tác quản lý hoạt động tiêu thụ rau an toàn chủ yếu ở đây là quản lý công tác gắn tem nhãn tại các cơ sở sơ chế rau an toàn và quản lý chất lượng rau từ nơi sản xuất đến nơi tiêu thụ rau. Trong năm 2014 việc gắn tem nhãn bán buôn và bán lẻ tại các cơ sở sơ chế đóng gói tại các khu sơ chế của Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp Văn Đức và Đặng Xá được tiếp tục thực hiện với tổng số tem được 2455 nghìn tem bán lẻ tương đương với 2139 tấn rau các loại. So với năm 2013 số lượng tem bán lẻ gắn được ở năm 2014 lớn gấp gần 6 lần, tổng sản lượng gắn được lớn gấp gần 2 lần (Bảng 5), song cũng chỉ chiếm 2,5% tổng sản lượng rau an toàn.

Gần một nửa các hộ sản xuất cho rằng công tác quản lý rau an toàn của các cơ quan nhà nước tại cơ sở sơ chế và cơ sở kinh doanh rau an toàn là tốt (Bảng 6) qua các hoạt động thanh kiểm tra, lấy mẫu, gắn tem ở các cơ sở sơ chế rau an toàn song chưa

**Bảng 5: Kết quả giám sát và chỉ đạo gắn tem nhãn rau an toàn của huyện Gia Lâm năm 2013-2014**

Loại tem	Năm 2013		Năm 2014	
	Số lượng tem (nghìn chiếc)	Sản lượng (tấn)	Số lượng tem (nghìn chiếc)	Sản lượng (tấn)
Tem bán sỉ	339,58	3.974,40	301,09	7.650
Tem bán lẻ	361,78	1.140,40	2455,30	2.139

Nguồn: Trạm bảo vệ thực vật huyện Gia Lâm, 2014

**Bảng 6: Đánh giá công tác quản lý chất lượng rau an toàn từ sản xuất tới tiêu thụ của các cơ quan chức năng**

Địa điểm và đối tượng đánh giá	Đơn vị tính: % ý kiến				
	Rất tốt	Tốt	TB	Kém	Không biết
<b>1. Quản lý sản xuất tại ruộng</b>					
Người sản xuất (n=75)	14,7	70,7	10,7	2,7	0,0
Người tiêu dùng (n=40)	0,0	22,5	35,0	42,5	0,0
Người kinh doanh và sơ chế (n=9)	0,0	66,7	33,3	0,0	0,0
<b>2. Quản lý tại cơ sở sơ chế</b>					
Người sản xuất (n=75)	4,0	45,3	18,7	0,0	30,7
<b>3. Quản lý tại cơ sở kinh doanh</b>					
Người sản xuất (n=75)	5,3	38,7	17,3	2,7	36,0
Người tiêu dùng (n=40)	0,0	47,5	35,5	17,5	0,0

Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra người tiêu dùng, 2015

được thường xuyên và có quy chế xử phạt rõ ràng. Trên một nửa số người tiêu dùng đánh giá công tác quản lý rau an toàn tại ruộng của các cơ quan chưa tốt (Bảng 6), các đợt kiểm tra ít và nhiều đợt chỉ mang tính hình thức chưa nghiêm ngặt. Điều này cũng có thể là nguyên nhân khiến có tới gần 1/3 số người tiêu dùng không tin tưởng vào chất lượng rau an toàn. Bên cạnh đó còn 80% số hộ tiêu dùng được hỏi không biết về cơ quan quản lý tiêu thụ rau an toàn tại các cửa hàng, 17,5% số hộ tiêu dùng đánh giá công tác quản lý chất lượng rau an toàn của các cơ quan chức năng tại các cửa hàng kinh doanh còn ở mức độ kém.

### 3.2.2. Quản lý nội bộ trong sản xuất và tiêu thụ rau an toàn

Hệ thống quản lý nội bộ của chính người/cơ sở sản xuất, sơ chế và kinh doanh nhằm đảm bảo các yêu cầu quy chuẩn về sản xuất và kinh doanh rau an toàn của thành phố Hà Nội (Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, 2009).

*Quản lý nội bộ trong sản xuất:* hầu hết các hộ khẳng định sử dụng vật liệu và giá thể cho sản xuất rau an toàn là đúng quy định, chỉ có 20% số hộ không chắc chắn vì không nắm rõ được danh mục các hóa chất và phân bón bị cấm sử dụng (Bảng 7).

Ngoài ra, khoảng một nửa số hộ không biết hàm lượng kim loại trong đất và giá thể có dưới mức quy định cho phép hay không, hoặc chất lượng nước có đáp ứng tiêu chuẩn không do không chắc đã được kiểm tra mẫu đất và nước.

Thực trạng cho thấy gần đây vẫn còn một số hộ có bể chứa phân tươi trên ruộng rau trong khi sử dụng phân tươi bị cấm, mặc dù việc sử dụng có thể không thường xuyên (Bảng 8). Như vậy, việc chấp hành đúng quy trình sản xuất rau an toàn của các hộ vẫn chưa triệt để. Khi tự đánh giá về mức độ tuân thủ quy trình sản xuất, trên 95% tự đánh giá thực hiện ở mức rất tốt và tốt cho các tiêu chí. Mặc dù vậy, chỉ có 1/3 số hộ ghi chép lại quá trình sản xuất rau an toàn, điều này thể hiện quản lý sản xuất nội bộ còn chưa tốt. Ngoài ra, có gần 10% số hộ không chắc rau họ sản xuất ra có an toàn không do không biết chất lượng các đầu vào và khoảng 15% số hộ cho rằng rau của các hộ khác thuộc nhóm rau an toàn không thực sự an toàn do họ vẫn nhìn thấy một số hộ khác sản xuất còn chưa theo quy trình sản xuất.

*Quản lý tiêu thụ của các cơ sở sơ chế, kinh doanh rau an toàn:* Kết quả điều tra sâu 5 điểm kinh doanh rau an toàn, 4 hộ sơ chế rau an toàn cho thấy hầu hết



**Bảng 7: Tình hình thực hiện các quy định về sản xuất rau an toàn tại hộ***Đơn vị tính: % số hộ thực hiện*

<b>Các chỉ tiêu</b>	<b>Số lượng</b>
1. Đất và giá thể	
Ruộng rau an toàn của các hộ thuộc vùng quy hoạch rau an toàn	92,0
Vật liệu và giá thể sử dụng cho sản xuất không pha trộn các hóa chất và phân bón không nằm trong danh mục	80,0
Hàm lượng kim loại trong đất và giá thể dưới mức quy định cho phép	48,0
2. Nguồn nước tưới	
Nước giếng khoan	66,7
Nước sông, suối	58,7
Khác	13,4
3. Hàm lượng kim loại và hóa chất độc hại trong nước dưới mức quy định	40,0
4. Phân bón và thuốc bảo vệ thực vật	
Sử dụng phân chuồng hoai mục	58,7
Hộ có hố/bể chứa phân tươi trên ruộng rau	6,7
Hộ sử dụng thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc sinh học	88,0
Hộ cách ly theo hướng dẫn trên bao bì	90,7

*Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra hộ nông dân, 2015*

các cơ sở sơ chế, cửa hàng kinh doanh trên địa bàn đều chấp hành gần như đầy đủ các yêu cầu trong sơ chế và kinh doanh rau an toàn về trang thiết bị nhà xưởng, sản phẩm rau an toàn đã được đóng gói, niêm phong và trên bao bì ghi rõ một số thông tin về nguồn gốc của các chủng rau, đa số các hộ đã có hợp đồng mua bán với đơn vị cung cấp đầu vào, nguồn rau an toàn chủ yếu được nhập từ các hộ sản xuất rau được cấp giấy chứng nhận. Tuy nhiên, các hộ sơ chế còn chưa có trang thiết bị cần thiết như thiết bị đóng gói, một phần rau được sử dụng trong sơ chế và kinh doanh đang được nhập từ các hộ chưa được cấp giấy chứng nhận rau an toàn điều này sẽ gây ra sự trà trộn giữa rau thông thường vào rau an toàn, một trong những điều kiện bắt buộc của sơ chế, kinh doanh rau an toàn là kí kết hợp đồng nhằm gắn trách nhiệm của 2 bên với chất lượng rau an toàn song vẫn chỉ có 2/4 hộ sơ chế và 3/5 hộ kinh doanh có thực hiện. Niêm yết giá bán rau tại các cơ sở kinh doanh rau là một trong các điều kiện bắt buộc song chỉ mới 2/5 cửa hàng có niêm yết giá rau và chưa có chủ cửa hàng nào thực hiện việc khám sức khỏe định kỳ.

### **3.3. Một số yếu tố ảnh hưởng đến quản lý sản xuất và tiêu thụ rau an toàn trên địa bàn huyện**

#### **3.3.1. Trình độ, nhận thức của người sản xuất**

Quản lý sản xuất nội bộ còn chưa triệt để một phần lớn do nhận thức của các hộ, nhất là nhận thức

về các nguy cơ gây mất an toàn cho rau. Theo số liệu điều tra, gần 30% số hộ cho rằng nguồn nước bị ô nhiễm không ảnh hưởng nhiều đến nồng độ kim loại trong rau và gần 45% số hộ cho rằng chất lượng đất không ảnh hưởng đến chất lượng rau mà các hộ sản xuất ra. Ngoài ra, thực tế phân chuồng hiện nay có nguy cơ chứa hàm lượng kim loại nặng do phụ thuộc hàm lượng kim loại nặng trong thức ăn chăn nuôi (Phạm Quang Hà & Bùi Cách Tuyến, 2008), song điều này chưa được quan tâm. Vẫn còn khoảng 10% số hộ chưa nắm được danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng cho rau.

#### **3.3.2. Nguồn lực con người của hệ thống quản lý nhà nước**

Tổng số cán bộ, nhân viên tham gia công tác triển khai thi hành các quy định của pháp luật an toàn thực phẩm hiện nay trên địa bàn huyện Gia Lâm chỉ có 27 người, ngoài các công việc chuyên trách khác thì việc phụ trách khoảng 450 ha rau an toàn của hơn 1000 các hộ sản xuất rau, 54 cửa hàng thuốc bảo vệ thực vật, 4 cơ sở sơ chế rau an toàn và hai Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp (từ khâu giám sát chất lượng, quá trình sản xuất đến khâu đóng gói, gắn tem và tiêu thụ) là khá vất vả, do đó tần suất kiểm tra, giám sát chưa cao.

#### **3.3.3. Yếu tố về công tác tổ chức**

Trong hệ thống quản lý việc sản xuất và tiêu thụ rau an toàn chưa có sự tham gia của các tổ chức

chính trị xã hội, chưa có sự tham gia giám sát của cộng đồng, vai trò và trách nhiệm của các cấp chính quyền chưa được phân công rõ ràng ở cấp cơ sở nên hạn chế việc quán triệt các chủ trương chính sách, thực hiện các biện pháp quản lý sản xuất và quản lý việc tiêu thụ.

#### *3.3.4. Yếu tố về mặt chính sách*

Một số các văn bản pháp quy của Nhà nước về lĩnh vực quản lý sản xuất và tiêu thụ rau an toàn còn bất cập, ví dụ chế tài xử phạt quá thấp nên tính răn đe chưa cao, đồng thời gây khó khăn cho công tác quản lý, hoặc chưa có mức quy định xử phạt cụ thể nào nếu các hộ sản xuất có vi phạm quy trình sản xuất rau, hoặc chưa quy định rõ nếu các cơ quan, đơn vị làm nhiệm vụ thanh tra, giám sát không nghiêm, không đúng với quy định thì sẽ chịu mức xử phạt như thế nào? Điều này một phần làm giảm tính tự chịu trách nhiệm và giảm hiệu quả công tác quản lý.

#### *3.3.5. Liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm*

Chỉ có 1/4 số hộ có ký hợp đồng tiêu thụ với hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp và phần lớn rau an toàn được bán ra ngoài thị trường qua kênh không được kiểm soát chất lượng chặt chẽ. Đây chính là một trong các nguyên nhân gây khó khăn cho quản lý chất lượng rau an toàn và giảm sút niềm tin của người tiêu dùng.

### **3.4. Giải pháp tăng cường quản lý sản xuất và tiêu thụ rau an toàn trên địa bàn huyện Gia Lâm**

Trên cơ sở phân tích trên, một số giải pháp nhằm tăng cường quản lý sản xuất và tiêu thụ rau an toàn trên địa bàn huyện Gia Lâm được đề xuất như sau:

#### *3.4.1. Về chính sách quản lý chung*

Cần thống nhất ban hành một chính sách trong đó có một cơ chế xử phạt rõ ràng khi người nông dân các đối tượng có liên quan vi phạm những quy định về việc sản xuất, sơ chế, kinh doanh rau an toàn trên địa bàn. Gắn trách nhiệm giữa người nông dân và chất lượng rau của hộ, gắn trách nhiệm của các cán bộ trong mạng lưới quản lý rau an toàn với hiệu quả của công tác; ban hành chế tài xử phạt rõ ràng; Có chính sách hỗ trợ, tập trung công tác quảng bá, thu hút các công ty thu mua rau an toàn tiến tới ký hợp đồng bao tiêu sản phẩm đầu ra cho các hộ nông dân sản xuất.

#### *3.4.2. Hoạt động quản lý và tổ chức*

Các cơ quan chức năng cần tiến hành rà soát lại

các cơ sở kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, các cơ sở sơ chế, kinh doanh rau an toàn trên địa bàn, xử phạt nghiêm khắc các trường hợp vi phạm quy định; Bên cạnh đó, nên tăng cường biện pháp giám sát cộng đồng từ khâu sản xuất tới tiêu thụ rau an toàn và có thể xem xét thành lập ban chỉ đạo quản lý sản xuất và tiêu thụ rau an toàn tại các xã.

#### *3.4.3. Nâng cao trình độ của người dân*

Cần tăng cường hơn nữa công tác thông tin tuyên truyền phổ biến chính sách pháp luật của nhà nước về quản lý sản xuất và tiêu thụ rau an toàn, những rủi ro ảnh hưởng của việc sử dụng các loại đầu vào không đúng phương pháp cho các đối tượng có liên quan.

#### *3.4.4. Nâng cao trình độ cán bộ quản lý*

Tăng cường bổ sung đội ngũ cán bộ phục vụ chuyên trách trong công tác quản lý sản xuất và tiêu thụ rau an toàn; tăng cường các lớp đào tạo tập huấn cho đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý.

#### *3.4.5. Giải pháp nâng cao liên kết trong sản xuất và tiêu thụ*

Đẩy mạnh liên kết ngang và liên kết dọc trong sản xuất và tiêu thụ rau an toàn, trong đó đặc biệt là mối liên kết giữa người sản xuất và các cơ sở sơ chế, kinh doanh, bếp ăn để đảm bảo rau an toàn được đưa tiêu thụ đúng kênh an toàn đồng thời ổn định đầu ra về mặt sản lượng và giá cả rau an toàn để các hộ nông dân yên tâm đầu tư sản xuất rau an toàn.

### **4. Kết luận**

Sản xuất rau an toàn ngày càng giữ vai trò quan trọng tại huyện Gia Lâm, với diện tích đạt 450 ha chiếm gần 40% tổng diện tích rau toàn huyện. Quản lý sản xuất và tiêu thụ rau an toàn được thực hiện từ hai cấp: quản lý nhà nước từ bên ngoài, và quản lý nội bộ. Các cơ quan nhà nước tham gia quản lý đã thực hiện đầy đủ chức năng nhiệm vụ về tập huấn, hỗ trợ vật tư cho sản xuất, thanh kiểm tra đồng ruộng hộ nông dân, kiểm tra các cửa hàng thuốc bảo vệ thực vật và cơ sở chế biến, kinh doanh rau an toàn và tiến hành gắn tem nhãn sản phẩm rau an toàn nhằm đưa rau an toàn ra thị trường không bị nhầm lẫn. Các hộ nông dân, cơ sở sơ chế và kinh doanh rau an toàn cơ bản đã chấp hành đúng quy trình.

Tuy nhiên, hoạt động quản lý, giám sát trong quá trình sản xuất rau an toàn tại địa phương vẫn chưa thực sự chặt chẽ, số lần thanh kiểm tra còn ít, các hình thức xử phạt chưa răn đe được người dân; còn một bộ phận người sản xuất chưa nắm chắc và rõ

quy trình sản xuất rau an toàn; các hộ sơ chế và kinh doanh rau an toàn trên địa bàn chưa thực hiện nghiêm việc kí hợp đồng cung cấp, niêm yết giá rau an toàn, hiện tượng nhập rau từ các hộ sản xuất chưa được chứng nhận an toàn vẫn còn tồn tại.

Tất cả những điều này ảnh hưởng và suy giảm niềm tin của người tiêu dùng. Chất lượng nguồn nhân lực; cách tổ chức hoạt động; sự thống nhất và tính răn đe của các văn bản chính sách trong công tác quản lý sản xuất và tiêu thụ là những yếu tố ảnh

hưởng đến hiệu quả công tác quản lý sản xuất và tiêu thụ rau an toàn trên địa bàn.

Để nâng cao hiệu quả công tác quản lý sản xuất và tiêu thụ rau an toàn trên cả nước nói chung, huyện Gia Lâm nói riêng trong thời gian tới cần thực hiện đồng bộ các giải pháp về chính sách, công tác tổ chức, nâng cao trình độ cũng như nhận thức của cán bộ quản lý, hộ nông dân và người tiêu dùng bên cạnh đó biện pháp tăng cường giám sát cộng đồng. □

### Tài liệu tham khảo

- Đặng Thu Thảo (2014), 'Quản lý sản xuất và tiêu thụ rau VietGAP trên địa bàn huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội', Luận văn thạc sĩ kinh tế, Học viện Nông nghiệp Việt Nam.
- Đỗ Thị Mỹ Hạnh, Đỗ Thị Tuyết Mai, Trần Trọng Nam & Nguyễn Trọng Tuynh (2015), 'Các yếu tố ảnh hưởng tới mức sẵn lòng chi trả của người tiêu dùng đối với sản phẩm rau an toàn: nghiên cứu tình huống trên địa bàn huyện Gia Lâm và quận Long Biên, Hà Nội', *Tạp chí Khoa học và Phát triển*, 13(5), 841-849.
- FAVRI & FAO (2011), *Quản lý chất lượng và an toàn trên rau quả. Tài liệu tập huấn cho các chủ trang trại, cán bộ quản lý hợp tác xã và người lao động*, truy cập lần cuối ngày 7 tháng 7 năm 2015, từ <<http://sps-gap.vn/index.php/news/240/108/FFS-Quan-ly-chat-luong-va-an-toan-tren-rau-qua.html>>.
- Phạm Quang Hà & Bùi Cách Tuyến (2008), *Quản lý kim loại trong nông nghiệp Việt Nam*, truy cập lần cuối ngày 29 tháng 1 năm 2016, từ <[http://eds.mard.gov.vn/html/downloads/dl\\_101\\_Brochure\\_VNmese\\_final8\\_completed.pdf](http://eds.mard.gov.vn/html/downloads/dl_101_Brochure_VNmese_final8_completed.pdf)>.
- Phòng Kinh tế huyện Gia Lâm (2014), *Báo cáo sản xuất rau an toàn huyện Gia Lâm năm 2014*, Hà Nội.
- Trạm Bảo vệ thực vật huyện Gia Lâm (2014), *Báo cáo tổng kết hoạt động bảo vệ thực vật huyện Gia Lâm năm 2014*, Hà Nội.
- Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội (2009), *Quyết định số 104/2009/QĐ-UBND của thành phố Hà Nội về quản lý sản xuất và kinh doanh rau an toàn*, ban hành ngày 24 tháng 09 năm 2009.
- Xuân Lộc (2015), *Vấn đề vệ sinh an toàn thực phẩm trong 6 tháng đầu năm: Nỗi lo hiện hữu*, truy cập lần cuối ngày 5 tháng 10 năm 2015, từ <<http://hanoimoi.com.vn/Tin-tuc/Doi-song/778708/van-de-ve-sinh-an-toan-thuc-pham-trong-6-thang-dau-nam-noi-lo-hien-huu>>.

---

### Thông tin tác giả:

\***Nguyễn Thị Dương Nga**, Tiến sĩ

- Tổ chức tác giả công tác: Khoa Kinh tế và PTNT, Học viện Nông nghiệp Việt Nam

- Lĩnh vực nghiên cứu chính: Kinh tế nông nghiệp, marketing nông sản, chuỗi giá trị sản phẩm, đánh giá tác động chương trình, dự án, tiêu dùng và an toàn thực phẩm.

- Một số tạp chí tác giả đã đăng tải công trình nghiên cứu: *Tạp chí Khoa học và Phát triển*, *Asian Journal of Agriculture and Development*, *International Society for Southeast Asian Agricultural Sciences Journal*.

- Địa chỉ Email: [ngantd@gmail.com](mailto:ngantd@gmail.com).